

THỰC TRẠNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG BIÊN GIỚI VIỆT NAM - CAMPUCHIA

NGUYỄN VĂN HÀ*

Biên giới đất liền giữa hai nước Việt Nam và Campuchia trải dài trên nhiều địa hình từ rừng núi, sông suối tới đồng bằng đã làm cho đặc điểm kinh tế xã hội của các tỉnh khu vực biên giới phía Việt Nam hết sức đa dạng. Sự đa dạng thể hiện ở sự khác biệt trong cơ cấu kinh tế giữa hai khu vực chủ yếu của vùng biên giới đó là khu vực Tây Nguyên, Tây Ninh, Bình Phước và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Nhìn tổng thể, vùng biên giới Việt Nam - Campuchia có cơ cấu kinh tế đang trên đà phát triển nhưng vẫn còn là một khu vực tương đối lạc hậu. Đặc biệt, những khó khăn về cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội đã ảnh hưởng đáng kể đến quá trình phát triển và quản lý vùng biên giới. Thực tế đó cho thấy, đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội tại khu vực biên giới hai nước là một nhu cầu cấp bách tạo tiền đề cho việc duy trì sự ổn định chung của cả nước. Bài viết dưới đây sẽ đánh giá đặc điểm, thực trạng phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh ở Việt Nam có đường biên giới với Campuchia, quan hệ kinh tế thương

mại hiện có giữa hai nước và một vài kiến nghị nhằm phát triển kinh tế khu vực biên giới ổn định và bền vững.

I. ĐẶC ĐIỂM, THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA VÙNG ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - CAMPUCHIA VÀ QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI, ĐẦU TƯ

1.1. Đặc điểm, thực trạng kinh tế xã hội vùng biên giới

Nói đến thực trạng kinh tế xã hội khu vực đất liền Việt Nam-Campuchia có thể tóm tắt trên 4 vấn đề chính và có thể được xem như là những đặc điểm chủ yếu khu vực đó là: **Thứ nhất:** khu vực các tỉnh biên giới đều có tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao nhưng lại có sự khác biệt giữa các vùng. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GDP) của các tỉnh những năm gần đây thường ở mức hai con số. Năm 2009, tăng trưởng GDP của Gia Lai ước đạt 15,61% và của Đắk Lắk 11,4% trong khi con số này của Kon Tum và Đắk Nông cũng đạt khoảng 14-15% cho các năm

* Ths. Nguyễn Văn Hà, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

2006-2008. ở mức thấp hơn, tăng trưởng GDP năm 2009 của Bình Phước, Đồng Tháp, An Giang lần lượt đạt các mức 10,1%, 11,09% và 11,31%. Tăng trưởng kinh tế năm 2008 của các tỉnh Tây Ninh, Kiên Giang cũng lần lượt đạt mức 13,98% và 12,8% trong khi Long An đạt thấp hơn.

Thứ hai: Cùng với việc đạt được tốc độ tăng trưởng cao, cơ cấu kinh tế của các tỉnh cũng trải qua những chuyển đổi với sự gia tăng tỉ trọng của các ngành, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ và giảm tỉ trọng của các ngành nông, lâm, ngư nghiệp. Điển hình là các tỉnh Đắc Nông, Gia Lai, Tây Ninh, Long An. Trong khi đó, cơ cấu kinh tế của các tỉnh còn lại ít có sự biến đổi. **Thứ ba:** Một trong những đặc điểm quan trọng của các tỉnh khu vực biên giới là nơi đây có thể trở thành nguồn cung cấp hàng hoá nông sản qui mô tập trung: các sản phẩm cây công nghiệp như cà phê, cao su, điều, tiêu... ở Tây Nguyên, Tây Ninh, Bình Phước, gạo, các mặt hàng thuỷ sản, hoa quả ở đồng bằng sông Cửu Long. Mặt khác, đây cũng là khu vực có nhiều tiềm năng phát triển các ngành công nghiệp chế biến các sản phẩm nông nghiệp nêu trên. Trên thực tế, các tập đoàn công nghiệp cao su, cà phê, các doanh nghiệp chế biến gạo, thuỷ sản lớn của cả nước đều tập trung ở khu vực này. **Thứ tư:** Khu vực các tỉnh biên giới Việt Nam-Campuchia là nơi có cơ cấu dân cư trẻ, lực lượng lao động khá dồi dào và chất lượng được cải thiện phần nào nhờ hệ thống giáo dục. **Đặc biệt,** các tỉnh Tây Nguyên, Đông, Tây Nam Bộ là nơi có nền kinh tế phát triển rất năng động với sự đóng góp của các doanh nhân, các chủ

doanh nghiệp vừa và nhỏ, các chủ trang trại... Điều này thể hiện tính năng động, khả năng thích ứng cao của các doanh nhân và lực lượng lao động trong khu vực. Tính năng động được thể hiện trong việc nhanh nhạy nắm bắt nhu cầu thị trường, mạnh dạn đầu tư kinh doanh...

Tuy nhiên, nền kinh tế xã hội của các tỉnh khu vực biên giới Việt Nam-Campuchia vẫn còn tồn tại nhiều mặt hạn chế đó là: (i) Cơ cấu kinh tế về cơ bản vẫn lạc hậu, nền nông nghiệp sản xuất nhỏ vẫn chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của các tỉnh. Đặc biệt, tại các huyện biên giới, sản xuất chỉ tập trung thuần tuý vào nông nghiệp với kỹ thuật canh tác lạc hậu, năng suất không cao. (ii) Cơ sở hạ tầng, nền tảng cho sự phát triển kinh tế xã hội của khu vực biên giới vẫn còn lạc hậu: đường giao thông tới các xã vẫn còn khó khăn ở cả khu vực Tây Nguyên và đồng bằng Sông Cửu Long, nhất là mùa mưa; hệ thống giáo dục và y tế vẫn còn yếu và thiếu về cơ sở vật chất, về đội ngũ cán bộ, đặc biệt là các huyện và xã biên giới. (iii) Chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế giữa các tỉnh trên khu vực biên giới và giữa các huyện biên giới với các huyện sâu trong nội địa là tương đối lớn. Đa số các huyện biên giới của các tỉnh là nơi tập trung nhiều bà con dân tộc ít người, phương thức, tập tục canh tác lạc hậu, tỉ lệ nghèo đói cao. (iv) Đa số các tỉnh khu vực biên giới Việt Nam-Campuchia, việc đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế. Tại khu vực Tây Nguyên, Tây Ninh, Bình Phước, số lao động đã qua đào tạo ở mức

rất thấp, trung bình khoảng trên dưới 10%. Tương tự, số lượng lao động chưa qua đào tạo của các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long ở mức rất cao, khoảng 85-90%. Sở dĩ tỉ lệ lao động qua đào tạo của khu vực còn thấp là do trình độ dân trí của người dân còn hạn chế. Nhận thức của người dân về giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực còn mơ hồ, chỉ thấy lợi ích trước mắt mà chưa thấy được lợi ích lâu dài. Hơn nữa, điều kiện cơ sở hạ tầng vật chất lạc hậu về văn hoá, thông tin, giao thông, y tế cũng tác động đến nhận thức của người dân. Một nguyên nhân quan trọng khác có liên quan đó là, cơ cấu kinh tế của các tỉnh với các ngành nông, lâm, ngư nghiệp vẫn đóng vai trò chủ đạo cũng ảnh hưởng đến chiến lược đào tạo nguồn nhân lực của địa phương. Đặc biệt, khu vực biên giới, nhất là vùng Tây Nguyên là nơi tập trung chủ yếu đồng bào các dân tộc thiểu số, cũng gây ra những khó khăn không nhỏ trong phát triển giáo dục và đào tạo. Cuối cùng, chất lượng nguồn nhân lực thấp là do các tỉnh biên giới vẫn còn tập trung một số lượng khá lớn người nghèo, nhất là khu vực nông thôn. Tình trạng nghèo đói, ruộng đất không có phải đi làm thuê, không có khả năng tích lũy, làm cho một bộ phận người dân ở trong tình trạng chưa tìm được lối thoát nghèo, tiếp tục thất học hoặc học hành không đến nơi đến chốn.

1.2. Thực trạng phát triển các khu kinh tế cửa khẩu và quan hệ thương mại-dầu tư khu vực biên giới

Cho đến nay, trên toàn tuyến biên giới Việt Nam-Campuchia đã có 46 cửa khẩu

các loại bao gồm 8 cửa khẩu quốc tế, 7 cửa khẩu quốc gia, còn lại là các cửa khẩu phụ. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển quan hệ giao thương giữa các tỉnh biên giới hai nước, hầu hết các cửa khẩu quốc tế và một số cửa khẩu quốc gia đã xây dựng các khu kinh tế cửa khẩu. Mục tiêu của các khu kinh tế cửa khẩu là xây dựng các khu trung tâm thương mại-dịch vụ, trở thành đầu mối xuất nhập khẩu hàng hoá của tỉnh và khu vực. Theo hướng đó, tùy theo điều kiện của từng địa phương, các khu kinh tế cửa khẩu cũng được phát triển thành các trung tâm đô thị, các khu thương mại, công nghiệp và du lịch. Thậm chí, có khu kinh tế cửa khẩu còn tận dụng vị thế để phát triển các ngành dịch vụ tài chính, tín dụng, bưu chính...

Có thể nói, các khu kinh tế cửa khẩu đã thực sự đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đồng thời đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực của các tỉnh biên giới thể hiện: (i) Các khu kinh tế cửa khẩu đóng vai trò là động lực cho sự tăng trưởng và phát triển kinh tế thông qua các hoạt động thu hút đầu tư và thúc đẩy thương mại, các hoạt động dịch vụ, du lịch... Do đó, các khu kinh tế cửa khẩu đã góp phần phát triển sản xuất, tạo ra việc làm, tăng thu nhập. Bên cạnh đó, sự phát triển của các khu kinh tế cửa khẩu sẽ có sức lan toả, thúc đẩy các ngành kinh tế bên trong nội địa. (ii) Riêng trong lĩnh vực thương mại, khu kinh tế cửa khẩu sẽ là nơi trung chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu cho khu vực, tạo đà cho sự phát triển của hệ thống các chợ khu vực biên giới, đẩy mạnh quan hệ thương

mại giữa các tỉnh biên giới với các tỉnh sâu trong nội địa, giữa các tỉnh hai bên biên giới. (iii) Khu kinh tế cửa khẩu sẽ thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ cơ sở hạ tầng vùng biên giới như giao thông, điện nước, thông tin viễn thông và thực sự trở thành hạt nhân trong phát triển kinh tế đối ngoại của các tỉnh. (iv) Thông qua việc phát triển toàn diện kinh tế, văn hoá xã hội, các khu kinh tế cửa khẩu cũng góp phần duy trì và bảo vệ an ninh biên giới, tạo lập quan hệ hữu nghị thân thiện, hiểu biết lẫn nhau giữa hai nước. Tuy nhiên, việc phát triển các khu kinh tế cửa khẩu đang đặt ra những khó khăn và thách thức do tình trạng phát triển hết sức tự phát và tùy tiện, chưa được đầu tư đồng bộ, thống nhất; cơ sở hạ tầng cho việc phát triển các khu kinh tế cửa khẩu ở cả hai nước, nhất là phía Campuchia còn hết sức lạc hậu, chắp vá, cả về giao thông, hệ thống thông tin, điện, nước cũng như các điều kiện cơ sở hạ tầng xã hội khác.

Trong những năm gần đây, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Campuchia ngày càng phát triển với tỉ lệ tăng trưởng cao về kim ngạch thương mại. Tổng giá trị xuất nhập khẩu của Việt Nam với Campuchia tăng nhanh từ 184 triệu USD năm 2001 lên 693 triệu năm 2005 và đạt mức kỷ lục gần 1,64 tỉ USD năm 2008, nghĩa là tăng gần 10 lần sau 7 năm. Năm 2009, do khủng hoảng kinh tế, kim ngạch thương mại giữa hai nước chỉ đạt 1,33 tỉ USD, giảm 18,7% so với năm 2008. Trung bình, tốc độ tăng trưởng của kim ngạch thương mại đạt mức 40% mỗi năm giai đoạn 2001-2008. Đặc biệt, số liệu thống kê

từ các địa phương cho thấy kim ngạch biên mậu chiếm tỉ trọng khá lớn trong tổng kim ngạch thương mại giữa hai nước (năm 2005 là 59%, 2006: 73%, 2007: 77% và năm 2008, đạt 1,1 tỉ USD, chiếm 70%). Trong số này, trao đổi thương mại biên giới Việt Nam-Campuchia lại tập trung chủ yếu vào hai tỉnh An Giang và Tây Ninh, với hai cửa khẩu quốc tế là Tịnh Biên và Mộc Bài, chiếm đến 95% tổng kim ngạch thương mại của các tỉnh có đường biên giới với Campuchia. Sở dĩ kim ngạch thương mại Việt Nam-Campuchia nói chung và kim ngạch biên giới tăng trưởng nhanh là do những nỗ lực của lãnh đạo hai nước trong việc tạo dựng các thể chế và chính sách hỗ trợ.

Một trong những công cụ hỗ trợ cho phát triển thương mại biên giới là sự hình thành và phát triển của hệ thống các chợ. Trên toàn tuyến biên giới, có 151 chợ, trong đó có 114 chợ biên giới, chợ cửa khẩu, 37 chợ trong các khu kinh tế cửa khẩu. Hệ thống các chợ biên giới tập trung chủ yếu ở khu vực đồng bằng, nhất là các tỉnh Tây Ninh, An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, nơi thuận lợi về giao thông và cơ sở hạ tầng. Tính đến nay, An Giang đã có 26 chợ trong khu vực biên giới và các khu kinh tế cửa khẩu và Tây Ninh đứng thứ hai, với 22 chợ các loại. Từ thực tiễn phát triển của quan hệ thương mại, có thể đưa ra một số nhận xét sau: (i) Xu hướng tăng trưởng với tốc độ nhanh của kim ngạch thương mại giữa hai nước, nhất là kim ngạch biên mậu sẽ tiếp tục được duy trì trong những năm sắp tới. (ii) Hoạt động thương mại biên mậu tùy thuộc rất

lớn vào sự phát triển của các khu kinh tế cửa khẩu. (iii) Trên toàn tuyến biên giới, các khu kinh tế cửa khẩu ở An Giang và Tây Ninh, nhất là Tịnh Biên và Mộc Bài là những khu kinh tế cửa khẩu hoạt động hiệu quả nhất.

Cùng với việc phát triển mạnh của quan hệ thương mại, hợp tác trong lĩnh vực đầu tư giữa Việt Nam và Campuchia cũng đã được chính phủ và các doanh nghiệp hai nước chú trọng. Tính đến hết năm 2009, tổng vốn đầu tư đăng ký mà các doanh nghiệp Việt Nam đã triển khai ở Campuchia đạt gần 900 triệu USD trong 63 dự án được cấp phép. Trong đó, các dự án đầu tư của Việt Nam chủ yếu tập trung trong lĩnh vực như may mặc, xây dựng, chế biến gỗ, kinh doanh khách sạn, du lịch, bưu chính viễn thông. Bên cạnh đó, những năm gần đây, các doanh nghiệp Việt Nam cũng chú trọng đến việc đầu tư trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp như phát triển cây cao su, hồ tiêu, điều và lúa gạo. Đặc biệt, những dự án đầu tư trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp được các doanh nghiệp thuộc các tỉnh dọc biên giới với Campuchia của Việt Nam thực hiện do sự thuận lợi về điều kiện địa lý.

Một hình thức hợp tác khác giữa Việt Nam và Campuchia được phát triển ngày càng nhiều dọc biên giới hai nước là dự án phát triển các khu kinh tế đặc biệt (SEZ) dọc biên giới hai nước. Đầu năm 2009, chính phủ Hoàng Gia Campuchia đã cấp phép cho 6 khu kinh tế đặc biệt dọc biên giới Việt Nam-Campuchia, trong đó có 2 khu đã đi vào hoạt động và 4 khu đang được triển khai. Tại các SEZs, các nhà đầu

tư chú trọng đến ngành chế biến các sản phẩm nông nghiệp, nhất là lúa gạo, sắn, ngô... Trong số này, phải kể đến khu kinh tế đặc biệt Phnom Den nằm sát tỉnh An Giang, rộng chừng 100 ha với số vốn đầu tư khoảng 100 triệu USD đang được xây dựng, dành cho các công ty chế biến nông sản và dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 2015. Theo các nhà nghiên cứu, các SEZs sẽ đóng góp đáng kể vào việc nâng cao kim ngạch thương mại giữa hai nước trong những năm sắp tới.

II. NHỮNG GIẢI PHÁP ĐẶT RA NHẪM PHÁT TRIỂN KINH TẾ ỔN ĐỊNH VÀ BỀN VỮNG VÙNG BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN VIỆT NAM-CAMPUCHIA

Để có thể phát triển ổn định và bền vững vùng biên giới đất liền Việt Nam-Campuchia, hàng loạt những vấn đề cấp thiết đang được đặt ra, từ phát triển kinh tế đến cải thiện xã hội, từ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đến việc thiết lập và đảm bảo an sinh xã hội, giảm đói nghèo và bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, việc phát triển kinh tế bền vững không thể không gắn liền với việc giữ gìn an toàn và trật tự xã hội, duy trì khối đại đoàn kết các dân tộc rất đa dạng tại khu vực biên giới. Trong số này, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đóng vai trò quan trọng hàng đầu, là nền tảng, cơ sở cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Bởi lẽ, chỉ có sự tăng trưởng và thịnh vượng kinh tế mới có thể thực hiện các mục tiêu xã hội với việc giảm đói nghèo, cải thiện điều kiện sống, loại bỏ tình trạng bất ổn định xã hội. Mặt khác,

sự phát triển kinh tế sẽ tạo cơ sở, tiền đề cho việc triển khai các giải pháp tiếp theo liên quan đến phát triển cơ sở hạ tầng và cải thiện hệ thống an sinh xã hội. Có thể nêu lên các nhóm giải pháp như sau:

Các nhóm giải pháp về **kinh tế**: (i) *Phát triển các vùng trọng điểm về sản xuất hàng hoá nông nghiệp dựa trên lợi thế phát triển, điều kiện tự nhiên của từng khu vực biên giới.* Theo đó, *phát triển các loại cây công nghiệp lâu năm có giá trị kinh tế cao, có khả năng sản xuất với khối lượng hàng hoá lớn: cà phê, cao su, ca cao, hồ tiêu, điều tại các vùng Tây Nguyên, Tây ninh, Bình Phước.* Để làm được điều này cần phải có chương trình qui hoạch, kế hoạch phát triển, liên kết giữa các tỉnh về sản xuất hàng hoá, tạo sự liên kết về sản xuất nguyên, nhiên liệu, cung ứng vật tư sản xuất và thị trường tiêu thụ. Tại khu vực đồng bằng sông Cửu long, *tập trung đầu tư phát triển cây lương thực, các vùng sản xuất lúa cao sản, cây ăn quả và khu vực nuôi trồng thủy sản.* Theo đó, cần triển khai qui hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai, nguồn nước tại từng cấp địa phương từ huyện, tỉnh đến vùng để phục vụ cho công việc định hướng đầu tư của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Trên cơ sở qui hoạch nguồn nước, cần lựa chọn việc quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản chuyên canh theo phương pháp công nghiệp, nhất là cá ao hầm như một chương trình trọng điểm để góp phần đảm bảo tăng nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu. Hình thành và phát triển một nền sản xuất hàng hoá trong khu vực với những sản phẩm chủ

yếu là lương thực, thủy sản. (ii) *Phát triển các ngành công nghiệp chế biến các sản phẩm nông nghiệp trên cả hai vùng sản xuất có những đặc thù khác nhau như nêu trên.* Kế hoạch bao gồm phát triển các ngành công nghiệp chế biến các sản phẩm từ các loại cây công nghiệp lâu năm như cà phê, cao su, ca cao, hồ tiêu, điều... và phát triển các ngành công nghiệp chế biến thủy sản, gia công và chế biến lúa gạo, tạo ra giá trị gia tăng lớn, hạn chế bất lợi về giá cả. Bên cạnh đó, các tỉnh có thể phát triển các ngành công nghiệp có thể mạnh, phục vụ sản xuất và tiêu dùng tại địa phương như vật liệu xây dựng, gạch gói, xi măng, đá ốp lát. (iii) *Lấy thành phố, thị xã của các tỉnh biên giới làm trọng tâm, hạt nhân thu hút nhân tài, vật lực, tạo điều kiện phát triển các khu công nghiệp của tỉnh, khu vực.* (iv) *Phát triển các loại hình dịch vụ, du lịch trên địa bàn các tỉnh biên giới: khách sạn, nhà hàng, du lịch.*

Các giải pháp về **cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội** bao gồm: (i) *Xây dựng và phát triển giao thông, năng lượng, bưu chính viễn thông một cách đồng bộ.* Đây sẽ là nhân tố tác động đầu tiên và trên hết đến sản xuất và đời sống của các tỉnh khu vực biên giới. (ii) *Xây dựng cơ sở hạ tầng giáo dục với việc chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.* Đây được xem là điểm yếu nhất của các tỉnh khu vực biên giới giáp với Campuchia. Trong đó, ưu tiên hàng đầu là xây dựng cơ sở vật chất về trường, lớp và đội ngũ giáo viên. Chỉ có trên cơ sở phổ cập giáo dục có chất lượng mới tạo tiền đề cho các bước phát triển tiếp theo. Điểm cần lưu ý trong phát triển

giáo dục cho các tỉnh khu vực này là xây dựng ý thức về một xã hội học tập kết hợp với nâng cao dân trí trong toàn thể cộng đồng dân cư.

Các giải pháp về **nâng cao phúc lợi, giảm đói nghèo và đảm bảo an sinh xã hội** bao gồm: (i) Giảm đói nghèo, cải thiện và nâng cao đời sống của người dân các tỉnh biên giới phải gắn liền với mở rộng và đa dạng hoá sản xuất, tạo việc làm và tăng thu nhập. (ii) Giảm đói nghèo và phát triển bền vững khu vực biên giới cần phải gắn liền với việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nhất là đối với thanh niên, lực lượng lao động chủ yếu trong xã hội. (iii) Giảm đói nghèo và nâng cao đời sống của người dân các tỉnh biên giới cũng phải đi liền với phát triển các kênh hỗ trợ về tài chính, tín dụng, khoa học công nghệ với những ưu tiên cao cho các huyện và xã biên giới. Đồng thời, tăng cường đầu tư của nhà nước, từ cơ sở hạ tầng kinh tế đến xã hội nhằm từng bước cải thiện việc cung cấp các hàng hoá và dịch vụ công, góp phần nâng cao đời sống vật chất và dân trí. (iv) Thực hiện có hiệu quả việc quản lý và phân phối nguồn lực giúp đỡ người nghèo thông qua các chương trình đầu tư hiện có. Xây dựng và hình thành cơ chế nhằm phát triển mạng lưới an sinh xã hội, hỗ trợ người nghèo, người có thu nhập thấp và những đối tượng dễ bị tổn thương khác.

Các giải pháp về **Mở rộng quan hệ hợp tác về kinh tế, thương mại và đầu tư hai bên biên giới** bao gồm: (i) Mở rộng các hoạt động đầu tư lẫn nhau giữa doanh nghiệp hai nước (chủ yếu là các doanh

niệp Việt Nam đầu tư tại Campuchia), nhất là các doanh nghiệp có nhiều thế mạnh ở phía nam. Có thể đầu tư các ngành công nghiệp chế biến hoặc sơ chế các sản phẩm nông nghiệp, phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng. (ii) Đẩy mạnh các hoạt động trao đổi thương mại giữa hai nước, chú trọng đến trao đổi thương mại giữa các tỉnh hai bên biên giới thông qua việc mở rộng và nâng cấp các khu kinh tế cửa khẩu và thông qua các khu kinh tế cửa khẩu, đẩy mạnh các hình thức hợp tác trong lĩnh vực dịch vụ và du lịch. (iv) Liên quan đến quá trình hợp tác, các tỉnh biên giới Việt Nam cần tiếp tục duy trì và mở rộng các chương trình hỗ trợ cho chính quyền và nhân dân các tỉnh bạn về xây dựng cơ sở hạ tầng nhỏ, nhà ở, các hoạt động khám chữa bệnh... Đây sẽ là công việc gắn kết tình đoàn kết và hữu nghị giữa nhân dân các tỉnh biên giới nói riêng và giữa hai nước nói chung.

KẾT LUẬN

Khu vực biên giới đất liền Việt Nam-Campuchia trải dài hàng nghìn Km với địa hình đa dạng, nơi tập trung các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đất đai và lao động khá dồi dào của nhân dân hai nước. Trong những năm gần đây, nền kinh tế xã hội của các tỉnh biên giới phía Việt Nam đã trải qua quá trình tăng trưởng và chuyển đổi cơ cấu kinh tế hết sức mạnh mẽ nhưng vẫn là khu vực lạc hậu so với sự phát triển chung của cả nước. Đặc biệt, tại các huyện biên giới, cơ cấu kinh tế lạc hậu, đời sống của nhân dân vẫn còn hết sức khó khăn với tỉ lệ nghèo đói cao. Hơn

nữa, nguồn nhân lực chưa qua đào tạo chiếm tỉ lệ lớn do nhận thức và trình độ dân trí của đại bộ phận dân cư còn thấp. Đặc biệt, tại khu vực Tây Nguyên, Bình Phước, Tây Ninh và một số vùng Tây Nam Bộ lại là nơi tập trung khá lớn bà con dân tộc ít người với tình trạng kinh tế lạc hậu, trình độ dân trí còn chưa phát triển. Thực trạng kinh tế xã hội nêu trên đã tác động bất ổn đến tình hình kinh tế, chính trị và an ninh khu vực biên giới: buôn lậu và gian lận thương mại, buôn bán và di cư bất hợp pháp qua biên giới cùng các tệ nạn xã hội đã ảnh hưởng đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Thực trạng nêu trên cho thấy, cơ sở kinh tế cho việc phát triển ổn định và bền vững khu vực biên giới giữa hai nước không có gì khác hơn chính là việc đẩy mạnh phát triển kinh tế, phát huy tiềm năng sẵn có về tài nguyên và lao động, phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến. Đồng thời, chú trọng đầu tư, nâng cấp toàn diện cơ sở hạ tầng giao thông, y tế, giáo dục... tạo tiền đề cho việc cải thiện các dịch vụ xã hội cũng như đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

Với những nỗ lực như vậy, kinh tế các tỉnh biên giới có thể duy trì được đà tăng trưởng và bắt nhịp chung với sự phát triển chung của cả nước đồng thời tạo điều kiện cho việc phát triển các quan hệ thương mại và đầu tư giữa hai nước, mang lại lợi ích phát triển cho toàn khu vực biên giới. Sự tăng trưởng và phát triển kinh tế sẽ là cơ sở, điều kiện cho sự phát triển bền vững và hài hoà vùng biên giới đất liền Việt Nam-Campuchia./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS. Hoàng Ngọc Phong, TS. Nguyễn Văn Phú, (đồng chủ biên), Các giải pháp tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường vùng Tây Nguyên trong tình hình mới. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hà Nội, 2006
2. PGS.TS. Hoàng Ngọc Hoà, TS. Phạm Châu Long, PGS.TS. Nguyễn Văn Thọ, Phát triển công nghiệp nông thôn ở đồng bằng sông Cửu Long theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001
3. TS. Nguyễn Sỹ Tuấn, Phát triển kinh tế, xã hội bền vững vùng biên giới Việt Nam-Campuchia: Những vấn đề đặt ra, Bài viết tại Hội thảo "Phát triển kinh tế, xã hội bền vững và hài hoà vùng biên giới Việt Nam-Campuchia", được tổ chức tại Tây Ninh ngày 9/1/2009
4. Ông Lê minh Điển, Quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Campuchia thời gian qua và định hướng sắp tới, Bài viết tại Hội thảo "Phát triển kinh tế, xã hội bền vững và hài hoà vùng biên giới Việt Nam-Campuchia", được tổ chức tại Tây Ninh ngày 9/1/2009
5. Ông Nguyễn Đức Hoá, Thực trạng và hệ thống cửa khẩu trên biên giới Việt Nam-Campuchia trong giai đoạn hiện nay, Bài viết tại Hội thảo "Phát triển kinh tế, xã hội bền vững và hài hoà vùng biên giới Việt Nam-Campuchia", được tổ chức tại Tây Ninh ngày 9/1/2009
6. Ths. Quách Thu Cúc, Khu kinh tế cửa khẩu An Giang: Thực trạng và triển vọng, Bài viết tại Hội thảo "Phát triển kinh tế, xã hội bền vững và hài hoà vùng biên giới Việt Nam-Campuchia", được tổ chức tại Tây Ninh ngày 9/1/2009
7. Niên giám thống kê 2007, các tỉnh Đắk Lắk, Kon Tum, Gia Lai, Đắk nông, Đồng Tháp và Niên giám Thống kê năm 2006 các tỉnh Bình Phước, Tây ninh, Long An .